

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025 (ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày ____/6/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung các khoản thu	Dự toán năm		Dự toán sau điều chỉnh		So sánh %	
		Thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN (I + II):	60.080.000	23.846.500	60.080.000	23.846.500	100%	100%
I	Thu nội địa	40.080.000	23.846.500	40.080.000	23.846.500	100%	100%
	(Thu nội địa trừ tiền sử dụng đất, xổ số)	34.580.000	18.346.500	34.580.000	18.346.500	100%	100%
1	Thu từ các DNNN Trung Ương	1.700.000	992.500	1.700.000	992.500	100%	100%
-	Thuế giá trị gia tăng	845.000	422.500	845.000	422.500	100%	100%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa		0		0		
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	570.000	285.000	570.000	285.000	100%	100%
-	Thuế tài nguyên	285.000	285.000	285.000	285.000	100%	100%
2	Thu từ các DNNN Địa phương	2.100.000	1.100.000	2.100.000	1.100.000	100%	100%
-	Thuế giá trị gia tăng	545.000	272.500	545.000	272.500	100%	100%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	910.000	455.000	910.000	455.000	100%	100%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	545.000	272.500	545.000	272.500	100%	100%
-	Thuế tài nguyên	100.000	100.000	100.000	100.000	100%	100%
3	Thu từ DN có vốn ĐTNN	13.100.000	6.391.500	13.100.000	6.391.500	100%	100%
-	Thuế giá trị gia tăng	3.212.000	1.606.000	3.212.000	1.606.000	100%	100%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	330.000	<u>52.500</u>	330.000	<u>52.500</u>	<u>100%</u>	100%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.550.000	<u>4.725.000</u>	9.550.000	<u>4.725.000</u>	<u>100%</u>	100%
-	Thuế tài nguyên	8.000	8.000	8.000	8.000	100%	100%
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	6.370.000	3.262.500	6.370.000	3.262.500	100%	100%
-	Thuế giá trị gia tăng	4.053.000	2.026.500	4.053.000	2.026.500	100%	100%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	60.000	<u>29.000</u>	60.000	<u>29.000</u>	<u>100%</u>	100%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.100.000	1.050.000	2.100.000	1.050.000	100%	100%
-	Thuế tài nguyên	157.000	157.000	157.000	157.000	100%	100%
5	Thuế thu nhập cá nhân	6.680.000	3.340.000	6.680.000	3.340.000	100%	100%
6	Lệ phí trước bạ	960.000	960.000	960.000	960.000	100%	100%
7	Thuế bảo vệ môi trường	850.000	<u>255.000</u>	850.000	<u>255.000</u>	<u>100%</u>	100%
8	Thu phí, lệ phí	530.000	<u>380.000</u>	530.000	<u>380.000</u>	<u>100%</u>	100%
-	Phí lệ phí trung ương	150.000	380.000	150.000	380.000	100%	100%
-	Phí lệ phí địa phương	380.000		380.000		100%	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0		0		

STT	Nội dung các khoản thu	Dự toán năm		Dự toán sau điều chỉnh		So sánh %	
		Thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	170.000	170.000	170.000	170.000	100%	100%
11	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	600.000	600.000	600.000	600.000	100%	100%
12	Thu tiền sử dụng đất	3.450.000	3.450.000	3.450.000	3.450.000	100%	100%
13	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích, tại xã	1.000	1.000	1.000	1.000	100%	100%
14	Thu khác ngân sách	840.000	<u>250.000</u>	840.000	<u>250.000</u>	<u>100%</u>	100%
-	Trong đó: thu khác trung ương	590.000		590.000		100%	
-	Trong đó, thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	60.000		60.000		100%	
15	Thu tiền bán nhà thuộc SHNN	9.000	9.000	9.000	9.000	100%	100%
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	580.000	580.000	580.000	580.000	100%	100%
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90.000	55.000	90.000	55.000	100%	100%
-	Trung ương	50.000	15.000	50.000	15.000	100%	100%
-	Địa phương	40.000	40.000	40.000	40.000	100%	100%
18	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	100%	100%
-	Thuế giá trị gia tăng	560.000	560.000	560.000	560.000	100%	100%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.000	220.000	220.000	220.000	100%	100%
-	Thu từ thu nhập sau thuế	600.000	600.000	600.000	600.000	100%	100%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	670.000	670.000	670.000	670.000	100%	100%
II	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	20.000.000	0	20.000.000	0	100%	
-	Thuế xuất khẩu	170.000		170.000		100%	
-	Thuế nhập khẩu	2.190.000		2.190.000		100%	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	260.000		260.000		100%	
-	Thuế bảo vệ môi trường	80.000		80.000		100%	
-	Thuế giá trị gia tăng	17.270.000		17.270.000		100%	
-	Thuế bổ sung hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam						
-	Khác: (Lệ phí,...)	30.000		30.000		100%	